

Số: 62 /QĐ-ĐTKDV.HĐTV

Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế Người đại diện phần vốn
của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước tại doanh nghiệp**

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 147/2017/NĐ-CP ngày 25/12/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 148/2017/NĐ-CP ngày 25/12/2017 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Kết luận số 772-KL/ĐU của Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước ngày 21/6/2023;

(Handwritten mark)

Căn cứ Quyết định số 25/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày 30/3/2018 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 26/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày 29/4/2022 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 25/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày 30/3/2018 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước;

Theo đề nghị của Tổng giám đốc;

Căn cứ ý kiến thống nhất của các Thành viên Hội đồng thành viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Người đại diện phần vốn của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 42/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày 17/5/2019 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về việc ban hành Quy chế Người đại diện phần vốn của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Điều 3. Tổng giám đốc Tổng công ty, Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp, các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tổng công ty và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban QLVNN tại doanh nghiệp (để b/c);
- Hội đồng thành viên;
- Ban Giám đốc;
- Kiểm soát viên;
- Thư ký HĐTV;
- Lưu: VT, TCCB.

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Chí Thành

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	1
Điều 2. Giải thích từ ngữ.....	1
Điều 3. Hình thức uỷ quyền đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp.....	2
Điều 4. Nguyên tắc uỷ quyền đại diện.....	3
Điều 5. Tiêu chuẩn Người đại diện.....	3
Điều 6. Thời hạn uỷ quyền Người đại diện	5
Điều 7. Quy trình và hồ sơ uỷ quyền Người đại diện	5
Điều 8. Tiếp tục uỷ quyền sau khi kết thúc thời hạn uỷ quyền Người đại diện...6	
CHƯƠNG 2: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN	7
Điều 9. Quyền của Người đại diện.....	7
Điều 10. Nghĩa vụ, trách nhiệm của Người đại diện.....	8
Điều 11. Thống nhất ý kiến giữa Người đại diện trong việc thực hiện quyền cổ đông hoặc thành viên góp vốn	10
Điều 12. Tiền lương, thưởng và quyền lợi khác của Người đại diện	11
CHƯƠNG 3: CHẾ ĐỘ THÔNG TIN GIỮA TỔNG CÔNG TY VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN	12
Điều 13. Thông tin cho Tổng công ty	12
Điều 14. Thông tin cho Người đại diện	14
Điều 15. Phương thức thông tin.....	14
CHƯƠNG 4: ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI, KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM, VÀ THÔI, CHẤM DỨT ỦY QUYỀN NGƯỜI ĐẠI DIỆN	15
Điều 16. Đánh giá, xếp loại, khen thưởng Người đại diện	15
Điều 17. Thôi làm Người đại diện	15
Điều 18. Chấm dứt uỷ quyền Người đại diện.....	16
Điều 19. Quy trình, thủ tục thôi hoặc chấm dứt uỷ quyền Người đại diện..16	
Điều 20. Các hình thức xử lý vi phạm.....	17
Điều 21. Trách nhiệm bồi thường vật chất của Người đại diện	17
CHƯƠNG 5: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	18
Điều 22. Tổ chức thực hiện	18
PHỤ LỤC	20

Phụ lục 1. Mẫu Quyết định ủy quyền đại diện phần vốn	20
Phụ lục 2. Mẫu Quyết định thôi ủy quyền Người đại diện	23
Phụ lục 3. Mẫu Quyết định chấm dứt ủy quyền Người đại diện	26
Phụ lục 4. Mẫu Sơ yếu lý lịch dành cho Người đại diện	28
Phụ lục 5. Mẫu Bản cam kết làm Người đại diện.....	32
Phụ lục 6. Mẫu Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh 6 tháng của doanh nghiệp (áp dụng cho các doanh nghiệp không có vốn chi phối của Tổng công ty).....	33
Phụ lục 7. Mẫu ý kiến về nội dung hợp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên.....	35
Phụ lục 8. Mẫu Thư cảm ơn	36
Phụ lục 9. Mẫu Công văn gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư.....	37
Phụ lục 10. Mẫu báo cáo kết quả họp, biểu quyết.....	38
Phụ lục 11. Mẫu công văn lấy ý kiến cấp ủy doanh nghiệp về nhân sự dự kiến làm Người đại diện là cán bộ doanh nghiệp.....	39
Phụ lục 12. Mẫu Công văn ý kiến của cấp ủy doanh nghiệp gửi Tổng công ty về nhân sự dự kiến làm Người đại diện	40

QUY CHẾ NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ
VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 62/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày 01/tháng 8 năm 2023
của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước)

CHƯƠNG 1:
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Quy chế này quy định chế độ hoạt động của Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp; mối quan hệ giữa Người đại diện và Tổng công ty trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn đối với phần vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp.
- Quy chế này áp dụng đối với: Tổng công ty; cán bộ của Tổng công ty; Người đại diện phần vốn của Tổng công ty; các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong phạm vi Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Biệt phái:** Là việc cử cán bộ, nhân viên của Tổng công ty đến làm việc chuyên trách tại các doanh nghiệp có vốn của Tổng công ty.
- Doanh nghiệp có vốn của Tổng công ty:** Là các Công ty cổ phần, Công ty TNHH hai thành viên trở lên (bao gồm cả các tập đoàn, tổng công ty) do Tổng công ty trực tiếp đầu tư góp vốn hoặc tiếp nhận theo quy định.
- Doanh nghiệp có vốn chi phối của Tổng công ty:** Là doanh nghiệp mà Tổng công ty sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành của doanh nghiệp đó.
- Điều lệ:** Là Điều lệ tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp.
- Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp (Người đại diện):** Là người được Tổng công ty cử, ủy quyền (sau đây gọi chung là ủy quyền) làm Người đại diện một phần hoặc toàn bộ phần vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp có vốn của Tổng công ty; thay mặt Tổng công ty thực hiện toàn bộ hoặc một số quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của Tổng công ty tại các doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và quy định của Tổng công ty. Người đại diện gồm:

a. Người đại diện là cán bộ Tổng công ty: Là cán bộ, nhân viên của Tổng công ty, được Tổng công ty ủy quyền làm Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp.

b. Người đại diện là cán bộ doanh nghiệp: Là cán bộ, nhân viên của doanh nghiệp có vốn của Tổng công ty, được Tổng công ty ủy quyền làm Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp.

c. Người đại diện là cán bộ cơ quan Nhà nước: Là cá nhân hiện đang là cán bộ cơ quan Nhà nước, được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ủy quyền làm Người đại diện kiêm nhiệm tại doanh nghiệp trước khi chuyển giao vốn cho Tổng công ty và được Tổng công ty kế thừa làm Người đại diện theo quy định.

d. Các trường hợp khác.

6. Người đại diện chịu trách nhiệm phụ trách chung: Là Người đại diện được giao nhiệm vụ tổng hợp các ý kiến tham gia, các số liệu của tất cả Người đại diện vào các báo cáo, chương trình kế hoạch công tác để gửi cho Tổng công ty.

7. Người đại diện chuyên trách: Là Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp và làm việc chuyên trách tại doanh nghiệp được ủy quyền làm đại diện.

8. Người đại diện không chuyên trách: Là Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp và không làm việc chuyên trách tại doanh nghiệp được ủy quyền làm đại diện.

9. Người có quan hệ gia đình: Bao gồm: Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

10. Quy chế này: Là Quy chế Người đại diện phần vốn của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

11. Quy chế Giám sát tài chính của Tổng công ty: Là Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty.

12. Tổng công ty: Là Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước.

Điều 3. Hình thức uỷ quyền đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp

1. Tổng công ty thực hiện uỷ quyền Người đại diện thông qua quyết định uỷ quyền làm Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp.

2. Tùy từng trường hợp cụ thể, Tổng công ty sẽ quyết định áp dụng bổ sung hình thức hợp đồng uỷ quyền hoặc lựa chọn hình thức uỷ quyền khác phù hợp.



Điều 4. Nguyên tắc ủy quyền đại diện

1. Tổng công ty quyết định phương án nhân sự Người đại diện dựa trên:
 - a. Quy mô vốn, ngành nghề kinh doanh, đặc điểm/tình hình hoạt động của doanh nghiệp.
 - b. Tỷ lệ phần vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp.
 - c. Chiến lược, mục tiêu của Tổng công ty đối với từng doanh nghiệp.
 - d. Năng lực của cán bộ.
2. Nguyên tắc ủy quyền đại diện:
 - a. Người đại diện chuyên trách chỉ được tham gia đại diện phần vốn của Tổng công ty tại chính doanh nghiệp được ủy quyền làm Người đại diện.
 - b. Người đại diện không chuyên trách có thể tham gia đại diện phần vốn của Tổng công ty tại không quá ba (03) doanh nghiệp.
 - c. Người đại diện chịu trách nhiệm trực tiếp về kết quả công việc được Tổng công ty giao. Người đại diện không được giao, ủy quyền lại cho người khác đại diện thay mình biểu quyết, quyết định các nội dung đã được Tổng công ty ủy quyền, cho ý kiến, trừ trường hợp đã được sự chấp thuận bằng văn bản của Tổng công ty.
 - d. Trường hợp ủy quyền cho từ hai (02) Người đại diện trở lên, Tổng công ty xác định cụ thể số vốn/số cổ phần, tỷ lệ cổ phần/phần vốn góp tương ứng ủy quyền cho mỗi Người đại diện và giao cho một Người đại diện chịu trách nhiệm phụ trách chung.
3. Tổng công ty chỉ định và giao nhiệm vụ cho Người đại diện; đánh giá hoạt động của Người đại diện; thôi/chấm dứt ủy quyền, khen thưởng, kỷ luật Người đại diện; quyết định mức lương, thưởng, phụ cấp và các lợi ích khác của Người đại diện theo quy định của pháp luật và quy định của Tổng công ty (nếu có).

Điều 5. Tiêu chuẩn Người đại diện

1. Người đại diện phải là người đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn sau:
 - a. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam.
 - b. Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt.
 - c. Có sức khỏe để đảm đương nhiệm vụ được giao do cơ quan y tế có thẩm quyền chứng nhận. Thời điểm chứng nhận sức khỏe đến ngày nộp hồ sơ cho Tổng công ty không quá sáu (06) tháng.
 - d. Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.
 - đ. Hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật.
 - e. Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật (trừ trường hợp Người đại diện là cán bộ cơ quan Nhà

nước như nêu tại điểm c khoản 5 Điều 2 Quy chế này).

g. Đáp ứng tiêu chuẩn về độ tuổi và thời hạn ủy quyền như nêu tại Điều 6 Quy chế này.

h. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của doanh nghiệp có vốn của Tổng công ty; hoặc có năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu của vị trí chức danh được ủy quyền làm Người đại diện.

i. Không phải là người có quan hệ gia đình của một trong các đối tượng sau:

- Chủ tịch Hội đồng thành viên, Thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc/Giám đốc, Phó Tổng giám đốc/Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ của doanh nghiệp có vốn của Tổng công ty.

- Lãnh đạo đơn vị quản lý doanh nghiệp đó; Chuyên viên Tổng công ty được giao trực tiếp quản lý doanh nghiệp đó.

- Trường hợp ủy quyền làm Người đại diện tại các doanh nghiệp mà Tổng công ty nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết thì Người đại diện không phải là người có quan hệ gia đình của: Chủ tịch Hội đồng thành viên, Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ của Tổng công ty; Người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Tổng công ty.

k. Không có quan hệ góp vốn thành lập doanh nghiệp, cho vay vốn, ký kết hợp đồng mua bán với doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tổng công ty mà người đó được cử trực tiếp quản lý, trừ trường hợp có cổ phần được mua khi doanh nghiệp nhà nước cổ phần hoá.

l. Không tham gia góp vốn thành lập hoặc tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp hoạt động trong cùng lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh với doanh nghiệp mà người đó được ủy quyền đại diện - trừ trường hợp các doanh nghiệp đó có vốn của Tổng công ty hoặc có vốn của doanh nghiệp mà người đó được ủy quyền đại diện.

m. Không trong thời gian bị cấm đảm nhiệm chức vụ, xem xét xử lý kỷ luật, điều tra, truy tố, xét xử, chấp hành hình phạt tù, thi hành quyết định kỷ luật. Trường hợp doanh nghiệp đang trong thời gian cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra thì Tổng công ty trao đổi với cơ quan thanh tra, kiểm tra về nhân sự trước khi ủy quyền làm Người đại diện.

n. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của Đảng, pháp luật của nhà nước và Tổng công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn nêu tại khoản 1 Điều này, Người đại diện nắm giữ các chức danh quản lý, điều hành hoặc các vị trí chức danh khác tại doanh nghiệp phải có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn

bản pháp luật liên quan và Điều lệ doanh nghiệp.

Điều 6. Thời hạn uỷ quyền Người đại diện

1. Thời hạn uỷ quyền Người đại diện được xác định theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị hoặc của chức danh Chủ tịch Hội đồng thành viên của doanh nghiệp có vốn của Tổng công ty. Trường hợp Người đại diện được uỷ quyền vào giữa nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị hoặc của chức danh Chủ tịch Hội đồng thành viên của doanh nghiệp thì thời hạn uỷ quyền Người đại diện phải phù hợp với thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị hoặc của chức danh Chủ tịch Hội đồng thành viên của doanh nghiệp đó.

2. Người đại diện được uỷ quyền làm đại diện tại một (01) doanh nghiệp không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tiếp. Trường hợp đặc biệt, Lãnh đạo Tổng công ty xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

3. Người đại diện phải có đủ tuổi đảm nhiệm (tính theo tháng) đến hết thời hạn, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp tiếp tục uỷ quyền sau khi hết thời hạn thì thực hiện theo Điều 8 Quy chế này.

4. Tùy từng trường hợp cụ thể, Tổng công ty có thể xem xét uỷ quyền Người đại diện khi không đủ tuổi đảm nhiệm hết thời hạn hoặc kéo dài thời gian uỷ quyền đối với Người đại diện đến tuổi nghỉ hưu trong các trường hợp sau:

a. Các doanh nghiệp đang triển khai bán vốn theo kế hoạch.

b. Các doanh nghiệp chưa triển khai bán vốn nhưng Người đại diện là lãnh đạo doanh nghiệp đã phối hợp tốt với Tổng công ty, điều hành kinh doanh hiệu quả và hiện tại chưa bố trí được người thay thế.

Điều 7. Quy trình và hồ sơ uỷ quyền Người đại diện

1. Quy trình uỷ quyền Người đại diện:

a. Căn cứ vào tình hình doanh nghiệp và đối chiếu với tiêu chuẩn Người đại diện nêu tại Điều 5 Quy chế này, Tổng công ty tiến hành xác định số lượng, cơ cấu, nguồn nhân sự và dự kiến nhân sự cụ thể làm Người đại diện.

b. Tổng công ty xem xét và ban hành Quyết định uỷ quyền Người đại diện (theo mẫu quy định tại Phụ lục 1).

2. Hồ sơ uỷ quyền Người đại diện bao gồm:

a. Sơ yếu lý lịch do cá nhân tự khai, được cấp có thẩm quyền xác nhận, có dán ảnh chụp trong thời gian không quá sáu (06) tháng tính đến ngày nộp hồ sơ cho Tổng công ty (theo mẫu quy định tại Phụ lục 4).

b. Bản sao chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn giá trị có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

c. Bản chính hoặc bản sao (có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền) giấy

chứng nhận đủ sức khỏe để đảm đương nhiệm vụ được giao do cơ quan y tế có thẩm quyền chứng nhận (thời điểm chứng nhận sức khỏe đến ngày nộp hồ sơ cho Tổng công ty không quá 06 tháng).

d. Các bản sao văn bằng, chứng chỉ đào tạo có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp nhân sự có bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp thì phải được công nhận tại Việt Nam theo quy định.

đ. Các kết luận kiểm tra, thanh tra giải quyết khiếu nại tố cáo và các giấy tờ liên quan khác đối với nhân sự dự kiến làm Người đại diện (nếu có). Văn bản trao đổi giữa cơ quan thanh tra, kiểm tra và Tổng công ty về nhân sự trước khi ủy quyền làm Người đại diện trong trường hợp doanh nghiệp đang trong thời gian cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra.

e. Bản cam kết làm Người đại diện (theo mẫu quy định tại Phụ lục 5).

g. Ý kiến của tổ chức Đảng tại Tổng công ty, tổ chức Đảng tại doanh nghiệp hoặc tổ chức Đảng có thẩm quyền khác (nếu có quy định bắt buộc).

h. Trong trường hợp Tổng công ty xét thấy cần thiết, Tổng công ty lấy ý kiến của đơn vị quản lý cán bộ (đối với nhân sự dự kiến làm Người đại diện là cán bộ Tổng công ty); hoặc ý kiến của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, cán bộ chủ chốt của doanh nghiệp, cổ đông lớn... (đối với nhân sự dự kiến làm Người đại diện không là cán bộ Tổng công ty).

i. Các giấy tờ có liên quan khác (nếu có).

Điều 8. Tiếp tục uỷ quyền sau khi kết thúc thời hạn uỷ quyền Người đại diện

1. Khi hết thời hạn uỷ quyền Người đại diện, căn cứ tình hình của doanh nghiệp, nhu cầu, mục tiêu quản lý vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp, Tổng công ty xem xét, đánh giá để tiếp tục uỷ quyền hoặc chấm dứt/thôi uỷ quyền đối với Người đại diện.

2. Khi kết thúc thời hạn uỷ quyền Người đại diện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này, Người đại diện được tiếp tục uỷ quyền khi đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện như nêu tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này - trừ trường hợp đặc biệt Lãnh đạo Tổng công ty xem xét, quyết định theo thẩm quyền:

a. Đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

b. Còn đủ ít nhất hai phần ba (2/3) thời gian công tác của nhiệm kỳ làm đại diện tính đến thời điểm nghỉ hưu theo quy định (trong trường hợp này, thời hạn uỷ quyền được tính đến thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu); hoặc còn dưới hai phần ba (2/3) thời gian công tác của nhiệm kỳ làm đại diện tính đến thời điểm nghỉ hưu theo quy định hoặc đã đến tuổi nghỉ hưu nhưng thuộc trường hợp được xem xét uỷ quyền theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

c. Hoàn thành các nghĩa vụ của Người đại diện trong thời gian làm Người đại diện.

3. Hồ sơ tiếp tục uỷ quyền Người đại diện khi kết thúc thời hạn uỷ quyền

theo quy định tại Điều 6 Quy chế này bao gồm:

a. Các giấy tờ, tài liệu như nêu tại điểm a, c, đ, e, g, h, i khoản 2 Điều 7 Quy chế này.

b. Đối với giấy tờ của cá nhân như nêu tại điểm b khoản 2 Điều 7 Quy chế này: Trường hợp giấy tờ của cá nhân đã hết hiệu lực hoặc có sự thay đổi, cá nhân cần cung cấp bản sao một trong các giấy tờ còn giá trị theo quy định của pháp luật có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

c. Đối với giấy tờ của cá nhân như nêu tại điểm d khoản 2 Điều 7 Quy chế này: Cá nhân nộp các văn bằng/chứng chỉ bổ sung (nếu có).

d. Kết quả đánh giá Người đại diện của Tổng công ty.

4. Quy trình tiếp tục ủy quyền sau khi hết thời hạn ủy quyền Người đại diện được thực hiện theo quy trình như nêu tại khoản 1 Điều 7 Quy chế này.

CHƯƠNG 2: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN

Điều 9. Quyền của Người đại diện

1. Thực hiện các quyền đại diện chủ sở hữu vốn theo ủy quyền của Tổng công ty.

2. Được Tổng công ty uỷ quyền tham gia ý kiến và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông hoặc các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, các cuộc họp khác (nếu có) theo các nội dung, trình tự quy định tại Quy chế này.

3. Được Tổng công ty xem xét, giới thiệu tham gia ứng cử và bầu vào Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên và Ban Kiểm soát của doanh nghiệp; giới thiệu giữ các chức danh quản lý của doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ doanh nghiệp.

4. Được hưởng thù lao, tiền lương, tiền thưởng theo quy định của pháp luật và quy định tại Quy chế này.

5. Được tham gia các hội thảo, hội nghị, các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, cập nhật thông tin, kiến thức do Tổng công ty tổ chức.

6. Được Tổng công ty cung cấp thông tin, diễn biến kinh tế và thị trường, tư vấn về các vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của Người đại diện.

7. Được Tổng công ty hỗ trợ, tạo điều kiện tham gia trao đổi kinh nghiệm, tìm kiếm cơ hội kinh doanh với doanh nghiệp và Người đại diện khác.

8. Các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật và của Tổng công ty.

Điều 10. Nghĩa vụ, trách nhiệm của Người đại diện

1. Nghĩa vụ xin ý kiến của Người đại diện:

1.1. Người đại diện phải xin ý kiến Tổng công ty bằng văn bản để Tổng công ty có ý kiến chỉ đạo trước khi Người đại diện biểu quyết, quyết định tại các cuộc họp hoặc bỏ phiếu bằng văn bản về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên doanh nghiệp sau đây:

a. Ngành, nghề kinh doanh, mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

b. Ban hành Điều lệ doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung Điều lệ doanh nghiệp.

c. Tổ chức lại, giải thể, phá sản doanh nghiệp.

d. Việc đề cử, bầu, kiến nghị miễn nhiệm/bãi nhiệm, khen thưởng, xử lý vi phạm đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng Ban Kiểm soát, Thành viên Ban Kiểm soát; đề cử để bổ nhiệm, kiến nghị miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng giám đốc/Giám đốc, Phó Tổng giám đốc/Phó giám đốc, Kế toán trưởng. Thù lao, tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Thành viên Hội đồng thành viên, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc/Giám đốc, Phó Tổng giám đốc/Phó giám đốc, Kế toán trưởng doanh nghiệp; số lượng Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Phó Tổng giám đốc/Phó giám đốc doanh nghiệp.

đ. Việc tăng, giảm vốn điều lệ của doanh nghiệp; thời điểm, phương thức huy động vốn; loại cổ phần, tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần; giá bán từng loại cổ phần/trái phiếu của doanh nghiệp; mua lại cổ phần hoặc các hình thức huy động vốn khác.

e. Báo cáo tài chính; phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hàng năm của doanh nghiệp.

g. Chủ trương, phương án đầu tư và dự án đầu tư; chủ trương mua/bán tài sản của doanh nghiệp; hoặc chủ trương, phương án đầu tư góp vốn, nắm giữ, tăng, giảm vốn của doanh nghiệp đầu tư vào doanh nghiệp khác:

- Thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng thành viên hoặc;

- Thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị: có giá trị bằng/lớn hơn 100 tỷ đồng; hoặc có giá trị bằng/lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của doanh nghiệp - tùy thuộc điều kiện nào đến trước.

h. Hợp đồng vay/cho vay có giá trị bằng/lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của doanh nghiệp. Chủ trương vay nợ nước ngoài của doanh nghiệp.

i. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp (bao gồm nhưng không hạn chế việc thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc khác; việc tiếp nhận doanh nghiệp tự nguyện tham gia làm công



ty con, công ty liên kết).

k. Đối với doanh nghiệp có vốn chi phối của Tổng công ty, Người đại diện phải xin ý kiến Tổng công ty về:

- Các quy chế liên quan đến thù lao, tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp.

- Kế hoạch sử dụng lao động.

- Xin ý kiến và báo cáo Tổng công ty tình hình thực hiện năm trước và kế hoạch hàng năm sau khi Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị doanh nghiệp thông qua các nội dung:

+ Quỹ tiền lương, thù lao, quỹ tiền thưởng thực hiện năm trước.

+ Quỹ tiền lương, thù lao, quỹ tiền thưởng kế hoạch của Người lao động và của Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc/Tổng giám đốc, Phó giám đốc/Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng doanh nghiệp.

l. Xây dựng, sửa đổi, bổ sung các Quy chế của doanh nghiệp về: tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên; về phân cấp giữa Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc; về quản lý tài chính và đầu tư; Quy chế Người đại diện của doanh nghiệp (nếu có).

Đối với các công ty đại chúng, Người đại diện xin ý kiến Tổng công ty về việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị doanh nghiệp và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

m. Các hợp đồng, giao dịch phát sinh giữa Người đại diện và doanh nghiệp; giữa doanh nghiệp với người có liên quan thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng thành viên doanh nghiệp.

n. Các vấn đề khác làm thay đổi lợi ích của Tổng công ty tại doanh nghiệp, bao gồm:

- Làm giảm phần vốn hoặc tỷ lệ vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp, các lợi ích khác của Tổng công ty tại doanh nghiệp (nếu có).

- Các vấn đề liên quan đến quyền mua cổ phần, vốn góp ưu đãi của doanh nghiệp.

1.2. Ngoài các vấn đề được liệt kê tại điểm 1.1 khoản 1 Điều này, Người đại diện được phép chủ động xem xét, có ý kiến, và/hoặc biểu quyết, quyết định – trừ trường hợp văn bản của Tổng công ty giao nhiệm vụ riêng cho Người đại diện tại từng doanh nghiệp cụ thể có quy định khác.

2. Giám sát, bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng liên quan đến phần vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

3. Đôn đốc doanh nghiệp thực hiện các yêu cầu của Tổng công ty, các nghĩa vụ tài chính với Tổng công ty và Nhà nước theo quy định của pháp luật, bao gồm (nhưng không giới hạn): xác nhận vốn đầu tư, công nợ với Tổng công ty; cung

cấp Báo cáo tài chính theo đề nghị của Tổng công ty; chi trả nợ cổ tức cho Tổng công ty.

4. Thực hiện đầy đủ chế độ thông tin theo quy định tại Chương 3 Quy chế này; theo dõi, giám sát tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh, tài chính tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và Điều lệ doanh nghiệp.

5. Báo cáo Tổng công ty kịp thời về việc doanh nghiệp trở nên hoạt động thua lỗ, không đảm bảo khả năng thanh toán, không hoàn thành nhiệm vụ được giao và những trường hợp sai phạm khác thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông theo quy định và đề xuất các kiến nghị, giải pháp (nếu có).

6. Giám sát việc thực hiện các ý kiến chỉ đạo của Tổng công ty đối với doanh nghiệp và báo cáo kết quả thực hiện việc giám sát.

7. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Tổng công ty về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Trường hợp thiếu trách nhiệm, lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn gây thiệt hại cho Tổng công ty thì phải chịu trách nhiệm và bồi thường vật chất theo quy định của pháp luật và quy định tại Quy chế này.

8. Tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ doanh nghiệp và các quy định của Tổng công ty trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện; quyền, nghĩa vụ của vị trí chức danh tại doanh nghiệp mà Người đại diện tham gia kiêm nhiệm/chuyên trách.

9. Trường hợp Người đại diện giữ các chức danh tại doanh nghiệp (do Tổng công ty giới thiệu và bầu), sau khi có quyết định thôi hoặc chấm dứt ủy quyền, Người đại diện có trách nhiệm từ nhiệm các chức danh này. Tổng công ty sẽ thực hiện quyền của cổ đông, thành viên góp vốn tại doanh nghiệp đề nghị Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên miễn nhiệm các chức danh đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ doanh nghiệp.

10. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và của Tổng công ty.

Điều 11. Thống nhất ý kiến giữa Người đại diện trong việc thực hiện quyền cổ đông hoặc thành viên góp vốn

1. Trường hợp tại doanh nghiệp có từ hai Người đại diện trở lên thì tất cả Người đại diện phải trao đổi ý kiến trước khi báo cáo Tổng công ty cho ý kiến chỉ đạo. Trường hợp không thống nhất thì Người đại diện chịu trách nhiệm phụ trách chung có trách nhiệm tổng hợp đầy đủ các ý kiến khác nhau và thông tin cho Tổng công ty để Tổng công ty có ý kiến. Sau khi Tổng công ty có ý kiến thì tất cả Người đại diện có trách nhiệm thực hiện theo ý kiến của Tổng công ty.

2. Trong trường hợp cần thiết, Tổng công ty cử cán bộ của Tổng công ty trực tiếp làm việc với Người đại diện về các nội dung biểu quyết. Người đại diện có trách nhiệm phối hợp với cán bộ của Tổng công ty để thống nhất ý kiến trước khi biểu quyết để thực hiện tốt nhất quyền của cổ đông Tổng công ty tại doanh nghiệp.



Điều 12. Tiền lương, thưởng và quyền lợi khác của Người đại diện

1. Người đại diện là cán bộ Tổng công ty:

a. Trường hợp cán bộ Tổng công ty là Người đại diện chuyên trách (biệt phái) tại doanh nghiệp: Được hưởng tiền lương, phụ cấp trách nhiệm, tiền thưởng, các quyền lợi khác, các chế độ bảo hiểm và phúc lợi theo quy định về việc cử biệt phái cán bộ đến làm việc chuyên trách tại doanh nghiệp có vốn của Tổng công ty. Ngoài ra, Người đại diện được hưởng các quyền lợi khác do Tổng công ty chi trả theo quy định của pháp luật.

b. Trường hợp cán bộ Tổng công ty là Người đại diện không chuyên trách tại doanh nghiệp: Được hưởng tiền lương, tiền thưởng, thù lao, phụ cấp trách nhiệm và các quyền lợi khác do Tổng công ty chi trả. Trường hợp Người đại diện được các doanh nghiệp trả thù lao, tiền thưởng thì Người đại diện có trách nhiệm nộp cho Tổng công ty hoặc thông báo cho doanh nghiệp để doanh nghiệp chuyển trực tiếp cho Tổng công ty để hình thành quỹ chung. Trên cơ sở đó Tổng công ty chi trả cho Người đại diện gắn với mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và của Tổng công ty.

2. Người đại diện là cán bộ doanh nghiệp: Được hưởng lương, phụ cấp trách nhiệm, tiền thưởng và các quyền lợi khác theo quy định tại Điều lệ doanh nghiệp và do doanh nghiệp đó trả theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, người đại diện được hưởng các quyền lợi khác do Tổng công ty chi trả theo quy định của pháp luật.

3. Người đại diện là cán bộ cơ quan Nhà nước: Được hưởng tiền lương, phụ cấp trách nhiệm, tiền thưởng và các quyền lợi khác do cơ quan Nhà nước chi trả. Trường hợp Người đại diện được các doanh nghiệp trả thù lao, tiền thưởng thì Người đại diện có trách nhiệm nộp cho Tổng công ty hoặc thông báo cho doanh nghiệp để doanh nghiệp chuyển trực tiếp cho Tổng công ty để hình thành quỹ chung. Trên cơ sở kết quả đánh giá công tác của Người đại diện, Tổng công ty sẽ chi trả mức thù lao, tiền thưởng cho Người đại diện – tối đa không quá thù lao, tiền thưởng mà doanh nghiệp chi trả cho Người đại diện.

4. Người đại diện khác:

a. Trường hợp Người đại diện chuyên trách tại doanh nghiệp: Được hưởng lương, phụ cấp trách nhiệm, tiền thưởng và các quyền lợi khác do doanh nghiệp chi trả theo quy định của pháp luật. Trường hợp Người đại diện được doanh nghiệp trả thù lao, tiền thưởng thì Người đại diện có trách nhiệm nộp cho Tổng công ty hoặc thông báo cho doanh nghiệp để doanh nghiệp chuyển trực tiếp cho Tổng công ty. Trên cơ sở kết quả đánh giá công tác của Người đại diện, Tổng công ty sẽ chi trả mức thù lao, tiền thưởng cho Người đại diện - tối đa không quá thù lao, tiền thưởng mà doanh nghiệp chi trả cho Người đại diện.

b. Trường hợp Người đại diện không chuyên trách tại doanh nghiệp: Được doanh nghiệp trả thù lao, tiền thưởng theo quy định và có trách nhiệm nộp cho Tổng công ty hoặc thông báo cho doanh nghiệp để doanh nghiệp chuyển trực tiếp cho Tổng công ty. Trên cơ sở kết quả đánh giá công tác của Người đại diện, Tổng

công ty sẽ chi trả mức thù lao, tiền thưởng cho Người đại diện – tôi đã không quá thù lao, tiền thưởng mà doanh nghiệp chi trả cho Người đại diện.

5. Người đại diện phân vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp khi được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, trái phiếu chuyển đổi theo quyết định của công ty cổ phần (trừ trường hợp được mua theo quyền của cổ đông hiện hữu) thì phải báo cáo bằng văn bản cho Tổng công ty. Tổng công ty quyết định bằng văn bản số lượng cổ phiếu phát hành thêm, trái phiếu chuyển đổi Người đại diện được mua theo mức độ đóng góp và kết quả thực hiện nhiệm vụ của Người đại diện. Phần còn lại thuộc quyền mua của Tổng công ty.

Trường hợp Người đại diện được uỷ quyền làm đại diện tại nhiều doanh nghiệp, thì được ưu tiên lựa chọn thực hiện quyền mua tại một doanh nghiệp. Người đại diện có trách nhiệm chuyển phần quyền mua cổ phần, trái phiếu chuyển đổi còn lại cho Tổng công ty.

Trường hợp Người đại diện không báo cáo về việc được quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi tại công ty cổ phần thì bị xem xét chấm dứt uỷ quyền đại diện phân vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp và phải chuyển nhượng lại cho Tổng công ty số cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi được mua trái với quy định theo giá được mua tại thời điểm phát hành. Trường hợp Người đại diện đã bán cổ phiếu này thì phải nộp lại cho Tổng công ty phần lãi chênh lệch giữa giá bán cổ phiếu theo giá thị trường tại thời điểm bán với giá mua và chi phí.

CHƯƠNG 3: CHẾ ĐỘ THÔNG TIN GIỮA TỔNG CÔNG TY VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN

Điều 13. Thông tin cho Tổng công ty

1. Thông tin trước khi biểu quyết:

Người đại diện có trách nhiệm gửi văn bản xin ý kiến Tổng công ty (theo mẫu quy định tại Phụ lục 7) để Tổng công ty có ý kiến bằng văn bản trước khi Người đại diện biểu quyết, quyết định, tham gia ý kiến về các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 10 Quy chế này. Thời hạn và phương thức thông tin được thực hiện theo quy định tại Điều 15 Quy chế này.

2. Thông tin một lần và bổ sung khi có thay đổi:

a. Khi thực hiện việc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu Nhà nước tại doanh nghiệp về Tổng công ty, Người đại diện có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến việc lập và chuyển giao hồ sơ doanh nghiệp theo quy định.

b. Sau khi Tổng công ty nhận chuyển giao doanh nghiệp theo quy định, Người đại diện phối hợp với doanh nghiệp gửi bổ sung cho Tổng công ty các thông tin dưới đây mỗi khi có thay đổi:

- Điều lệ của doanh nghiệp.

- Chứng nhận sở hữu cổ phần của Tổng công ty tại doanh nghiệp.
- Thông tin quỹ đất.
- Các thông tin khác (nếu có).

3. Thông tin định kỳ:

a. Chậm nhất 30/4 năm liền kề, Người đại diện phải gửi Báo cáo tài chính năm do doanh nghiệp tự lập hoặc Báo cáo tài chính năm đã kiểm toán về Tổng công ty. Chậm nhất 20/7 hằng năm, Người đại diện phải gửi Báo cáo tài chính sáu (06) tháng do doanh nghiệp tự lập hoặc Báo cáo tài chính sáu (06) tháng đã soát xét về Tổng công ty.

b. Người đại diện thực hiện các báo cáo giám sát tài chính và báo cáo giám sát tài chính đặc biệt theo quy định tại Quy chế giám sát tài chính của Tổng công ty. Đối với những doanh nghiệp không có vốn chi phối của Tổng công ty, Người đại diện phải gửi Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh sáu (06) tháng về Tổng công ty chậm nhất 20/7 hằng năm (theo mẫu quy định tại Phụ lục 6).

c. Trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày họp Hội đồng quản trị, Người đại diện là thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi Tổng công ty:

- Báo cáo kết quả họp/biểu quyết (theo mẫu quy định tại Phụ lục 10) trong trường hợp Người đại diện biểu quyết khác với ý kiến chỉ đạo của Tổng công ty hoặc Người đại diện biểu quyết theo ý kiến chỉ đạo của Tổng công ty nhưng Hội đồng quản trị không thông qua.

- Nghị quyết Hội đồng quản trị.

d. Trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày họp Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng thành viên, Người đại diện có trách nhiệm gửi Tổng công ty:

- Báo cáo kết quả họp/biểu quyết (theo mẫu quy định tại Phụ lục 10) trong trường hợp Người đại diện biểu quyết khác với ý kiến chỉ đạo của Tổng công ty hoặc Người đại diện biểu quyết theo ý kiến chỉ đạo của Tổng công ty nhưng kết quả không được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng thành viên thông qua.

- Biên bản họp, Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng thành viên, và các tài liệu liên quan khác (nếu có).

đ. Thực hiện các báo cáo khác theo quy định của pháp luật.

4. Thông tin bất thường:

Người đại diện thông báo đầy đủ cho Tổng công ty những thông tin bất thường có thể ảnh hưởng tới hoạt động của doanh nghiệp hoặc quyền lợi của Tổng công ty trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra các sự kiện bao gồm nhưng không giới hạn trong các nội dung sau: tài khoản của doanh nghiệp tại ngân hàng bị phong toả; doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh; bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy phép hoạt động hoặc Giấy phép khác liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp; có quyết định khởi tố đối với thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng của doanh nghiệp; có bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của

doanh nghiệp; có kết luận kiểm tra, thanh tra của cơ quan thuế, cơ quan kiểm tra, thanh tra, kiểm toán nhà nước và các tranh chấp về tài sản, vốn, đất đai, lao động; các tranh chấp hoặc tổn thất lớn về tài sản; các nội dung bất thường khác (nếu có).

5. Thông tin theo yêu cầu:

Căn cứ nhu cầu quản lý, đầu tư vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp và quy định của pháp luật, điều lệ doanh nghiệp, Tổng công ty có thể yêu cầu Người đại diện cung cấp các thông tin khác liên quan tới doanh nghiệp. Người đại diện có trách nhiệm cung cấp thông tin cho Tổng công ty theo thời hạn đã đề nghị. Trường hợp không nêu rõ thời hạn thì thời hạn cung cấp trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày Người đại diện nhận được đề nghị của Tổng công ty.

Điều 14. Thông tin cho Người đại diện

1. Tổng công ty có trách nhiệm cung cấp kịp thời cho Người đại diện các tài liệu, thông tin liên quan đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ cổ đông Tổng công ty tại doanh nghiệp; thông tin, diễn biến kinh tế và thị trường; thông tin tư vấn; các thông tin trao đổi kinh nghiệm, tìm kiếm cơ hội kinh doanh với doanh nghiệp và Người đại diện khác.

2. Đối với các thông tin do Người đại diện gửi xin ý kiến Tổng công ty trước khi thực hiện biểu quyết, quyết định hoặc tham gia ý kiến, sau khi nhận được, Tổng công ty có trách nhiệm cho ý kiến trong thời hạn năm (05) ngày làm việc (kể từ ngày nhận được ý kiến) hoặc thời hạn khác theo yêu cầu để Người đại diện biết và thực hiện. Trường hợp tài liệu không đủ, không có cơ sở để tham gia ý kiến thì trong vòng hai (02) ngày làm việc, Tổng công ty phải có ý kiến để Người đại diện biết và bổ sung hoàn chỉnh tài liệu, thông tin.

Trường hợp đặc biệt, Tổng công ty có trách nhiệm trả lời chậm nhất trước thời điểm Người đại diện có nghĩa vụ biểu quyết, quyết định hoặc tham gia ý kiến.

Điều 15. Phương thức thông tin

1. Việc trao đổi thông tin giữa Người đại diện và Tổng công ty được thực hiện bằng văn bản.

Văn bản xin ý kiến và hồ sơ có liên quan đến các vấn đề xin ý kiến của Người đại diện (theo mẫu quy định tại Phụ lục 7) phải gửi Tổng công ty trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/các cuộc họp khác (nếu có) ít nhất 05 ngày làm việc (theo dấu công văn đến).

Trường hợp không thể đảm bảo thời gian nêu trên vì lý do bất khả kháng hoặc có những nội dung mới phát sinh tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, bằng nỗ lực cao nhất, thông qua các phương tiện thông tin (bao gồm nhưng không giới hạn các hình thức: điện thoại, fax, email) Người đại diện phải thông báo cho Tổng công ty để Tổng công ty có ý kiến kịp thời trước thời điểm biểu quyết tại các cuộc họp nêu trên. Sau đó, Người đại

điện phải gửi bổ sung văn bản báo cáo cho Tổng công ty trong thời hạn tối đa (05) năm ngày làm việc kể từ ngày đã xin ý kiến thông qua các phương tiện thông tin (bao gồm nhưng không giới hạn các hình thức: điện thoại, fax, email) nêu trên (theo mẫu quy định tại Phụ lục 10).

2. Đối với các thông tin, tài liệu mật, chế độ thông tin giữa Người đại diện và Tổng công ty được thực hiện theo quy định chung của Nhà nước và quy định của Tổng công ty.

CHƯƠNG 4: **ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI, KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM, VÀ THÔI, CHẤM DỨT ỦY QUYỀN NGƯỜI ĐẠI DIỆN**

Điều 16. Đánh giá, xếp loại, khen thưởng Người đại diện

1. Việc đánh giá, xếp loại và khen thưởng Người đại diện được thực hiện theo Quy định của Tổng công ty về đánh giá, xếp loại, khen thưởng đối với Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp.

2. Căn cứ kết quả đánh giá, xếp loại, Tổng công ty xem xét:

a. Khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng Người đại diện theo quy định của Nhà nước và Quy định của Tổng công ty về đánh giá, xếp loại và khen thưởng đối với Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp.

b. Tiếp tục ủy quyền; thôi hoặc chấm dứt ủy quyền Người đại diện theo quy định tại Quy chế này.

c. Thực hiện các chính sách khác đối với Người đại diện theo quy định của Nhà nước và của Tổng công ty.

Điều 17. Thôi làm Người đại diện

Người đại diện thôi làm đại diện trong các trường hợp sau:

1. Người đại diện có đơn xin thôi làm Người đại diện trước thời hạn và được Tổng công ty đồng ý. Trường hợp chưa được Tổng công ty đồng ý, Người đại diện vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm theo quy định.

2. Người đại diện chuyển công tác khác.

3. Người đại diện không được Tổng công ty tiếp tục ủy quyền theo quy định tại Quy chế này.

4. Người đại diện đến tuổi nghỉ hưu (trừ trường hợp đặc biệt theo quyết định của Tổng công ty).

5. Tổng công ty không còn nhu cầu ủy quyền Người đại diện tại doanh nghiệp do thay đổi chiến lược, kế hoạch kinh doanh và quản trị doanh nghiệp có vốn của Tổng công ty.

6. Tổng công ty bán hết vốn tại doanh nghiệp.
7. Theo yêu cầu hoặc đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
8. Các trường hợp khác.

Điều 18. Chấm dứt ủy quyền Người đại diện

Tổng công ty chấm dứt ủy quyền Người đại diện trong các trường hợp sau:

1. Không còn đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn Người đại diện theo quy định tại Quy chế này.
2. Không tuân thủ và thực hiện đúng các chỉ đạo của Tổng công ty.
3. Không thực hiện/ thực hiện không đúng, không đầy đủ các nghĩa vụ Người đại diện; có hành vi gây ảnh hưởng đến uy tín, hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, quyền và lợi ích hợp pháp của Tổng công ty tại doanh nghiệp.
4. Không hoàn thành nhiệm vụ Người đại diện trong hai năm liên tiếp, trừ trường hợp có lý do chính đáng được Tổng công ty chấp thuận.
5. Vi phạm Điều lệ doanh nghiệp, quyết định vượt thẩm quyền, không đúng thẩm quyền gây thiệt hại cho doanh nghiệp và quyền lợi, lợi ích hợp pháp của Tổng công ty.
6. Mất tín nhiệm với Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị và/hoặc đa số cán bộ, công nhân viên trong doanh nghiệp (trường hợp Người đại diện là người quản lý, điều hành doanh nghiệp).
7. Không trung thực, lợi dụng vai trò Người đại diện để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; Báo cáo không trung thực tình hình của doanh nghiệp, làm ảnh hưởng đến lợi ích của cổ đông Tổng công ty.
8. Theo yêu cầu hoặc đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
9. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Tổng công ty.

Điều 19. Quy trình, thủ tục thôi hoặc chấm dứt ủy quyền Người đại diện

1. Tổng công ty xác định căn cứ thôi hoặc chấm dứt ủy quyền Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp theo Điều 17, Điều 18 Quy chế này.
2. Sau khi xác định căn cứ thôi hoặc chấm dứt ủy quyền Người đại diện, Tổng công ty sẽ xem xét và ban hành Quyết định thôi ủy quyền (theo mẫu quy định tại Phụ lục 2) hoặc Quyết định chấm dứt ủy quyền (theo mẫu quy định tại Phụ lục 3). Tùy thuộc vào hình thức văn bản ủy quyền đã thực hiện, Tổng công ty sẽ quyết định áp dụng bổ sung hình thức chấm dứt hợp đồng ủy quyền và các hình thức phù hợp khác.
3. Về giải quyết chế độ sau khi thôi hoặc chấm dứt làm Người đại diện:

a. Đối với Người đại diện là cán bộ Tổng công ty: Tổng công ty thực hiện các chế độ lao động theo quy định của pháp luật lao động và quy định của Tổng công ty.

b. Đối với Người đại diện là cán bộ doanh nghiệp: Doanh nghiệp thực hiện các chế độ lao động theo quy định của pháp luật lao động và quy định của doanh nghiệp.

c. Đối với Người đại diện là cán bộ cơ quan Nhà nước: Các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sắp xếp, giải quyết chế độ đối với cán bộ theo quy định của pháp luật.

d. Đối với Người đại diện khác: Các cơ quan có thẩm quyền thực hiện chế độ đối với cán bộ theo quy định của pháp luật hoặc thực hiện theo thỏa thuận giữa Tổng công ty và Người đại diện (nếu có).

Điều 20. Các hình thức xử lý vi phạm

Trường hợp Người đại diện không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các nghĩa vụ, trách nhiệm của Người đại diện (không phụ thuộc vào việc có thiệt hại phát sinh hay không), đặc biệt đối với những trường hợp Người đại diện không xin ý kiến hoặc xin ý kiến nhưng biểu quyết, quyết định hoặc tham gia ý kiến không theo đúng chỉ đạo của Tổng công ty đối với những nội dung phải xin ý kiến theo quy định tại Điều 10 Quy chế này thì Tổng công ty áp dụng các hình thức xử lý sau:

1. Chấm dứt ủy quyền đối với Người đại diện là cán bộ doanh nghiệp, Người đại diện là cán bộ cơ quan Nhà nước và đồng thời có văn bản thông báo tới các cơ quan có liên quan.

2. Chấm dứt ủy quyền và/hoặc áp dụng các hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật lao động và quy định của Tổng công ty đối với Người đại diện là cán bộ Tổng công ty.

3. Đối với Người đại diện khác: Chấm dứt ủy quyền đối với Người đại diện và có văn bản thông báo tới các cơ quan có liên quan. Đồng thời, căn cứ vào thỏa thuận giữa Tổng công ty và Người đại diện (nếu có), Tổng công ty sẽ áp dụng những hình thức kỷ luật và trách nhiệm pháp lý khác đối với Người đại diện.

4. Ngoài những hình thức xử lý nêu trên, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, Người đại diện có thể phải chịu các hình thức kỷ luật và trách nhiệm pháp lý khác do Tổng công ty hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Trách nhiệm bồi thường vật chất của Người đại diện

1. Người đại diện có hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm nghĩa vụ Người đại diện, gây thiệt hại vật chất liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của Tổng công ty tại doanh nghiệp thì phải có trách nhiệm bồi thường, hoàn trả theo quy

định của pháp luật.

2. Khi phát hiện Người đại diện gây thiệt hại vật chất đến quyền, lợi ích hợp pháp của Tổng công ty tại doanh nghiệp, Tổng công ty thành lập Hội đồng xử lý trách nhiệm bồi thường, hoàn trả theo quy định của pháp luật và của Tổng công ty. Trường hợp Người đại diện cố ý không thực hiện nghĩa vụ bồi thường, hoàn trả thì sẽ bị khởi kiện ra Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

3. Sau khi thôi hoặc chấm dứt ủy quyền Người đại diện, Người đại diện vẫn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại vật chất phát sinh do Người đại diện gây ra trong thời gian làm Người đại diện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG 5: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Tổ chức thực hiện

1. Quy định này sẽ được sửa đổi, bổ sung và/hoặc thay thế để phù hợp với những thay đổi của pháp luật và điều kiện hoạt động của Tổng công ty. Trường hợp chưa sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế kịp thời, sẽ thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật tại từng thời điểm.

2. Tổng công ty; cán bộ của Tổng công ty; Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp; các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm tuân thủ và tổ chức thực hiện theo đúng các nội dung quy định tại Quy chế này.

3. Đối với cán bộ Tổng công ty:

a. Cán bộ của Tổng công ty được ủy quyền làm Người đại diện (bao gồm: cán bộ Tổng công ty là Người đại diện chuyên trách, cán bộ Tổng công ty là Người đại diện không chuyên trách): Cán bộ phải thực hiện các nghĩa vụ nêu tại Quy chế này và các nghĩa vụ khác theo quy định nội bộ của Tổng công ty.

b. Cán bộ Tổng công ty không được ủy quyền làm Người đại diện nhưng tham gia Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên doanh nghiệp (bao gồm: cán bộ Tổng công ty là cán bộ được cử biệt phái, cán bộ Tổng công ty không là cán bộ được cử biệt phái theo Quy chế biệt phái cán bộ của Tổng công ty): Cán bộ phải thực hiện các nghĩa vụ như nêu tại Điều 10 Quy chế này và các nghĩa vụ khác theo quy định nội bộ của Tổng công ty.

c. Cán bộ Tổng công ty không được ủy quyền làm Người đại diện nhưng tham gia Ban Kiểm soát doanh nghiệp (bao gồm: cán bộ Tổng công ty là cán bộ được cử biệt phái, cán bộ Tổng công ty không là cán bộ được cử biệt phái): Cán bộ phải gửi về Tổng công ty biên bản các cuộc họp Ban Kiểm soát (định kỳ và bất thường), báo cáo Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông hằng năm.

d. Cán bộ Tổng công ty không được ủy quyền làm Người đại diện nhưng được cử đến làm việc chuyên trách (biệt phái) tại doanh nghiệp và không tham gia Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Ban Kiểm soát doanh nghiệp: Cán bộ

phải thực hiện các nghĩa vụ như nêu tại Quy chế biệt phái của Tổng công ty.

4. Doanh nghiệp có phần vốn của Tổng công ty có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các hồ sơ tài liệu, thông tin liên quan đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, về việc đầu tư, tình hình tài chính, những nội dung khác (nếu có) cho Người đại diện khi được yêu cầu theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của doanh nghiệp.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời cho Tổng công ty để bổ sung, sửa đổi phù hợp./.

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Chí Thành

PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Mẫu Quyết định ủy quyền đại diện phần vốn

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ
VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-ĐTKDV

Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ủy quyền đại diện phần vốn của Tổng công ty Đầu tư
và Kinh doanh vốn nhà nước tại**

TỔNG GIÁM ĐỐC

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 147/2017/NĐ-CP ngày 25/12/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 148/2017/NĐ-CP ngày 25/12/2017 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước;

Căn cứ Kết luận số ngày/...../20.... của Đảng ủy Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về công tác cán bộ (*đối với trường hợp Đảng ủy Tổng công ty phải có ý kiến theo Quy định số 01-QĐ/ĐU ngày 12/12/2022 của Đảng ủy Tổng công ty về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử*);

Căn cứ Nghị quyết số/NQ-ĐTKDV.HĐTV ngày/...../20.... của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về Người đại diện phần vốn của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước tại tên doanh nghiệp (*đối với trường hợp Hội đồng thành viên Tổng công ty phải có ý kiến theo Quyết định số 26/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày 29/4/2022 của Hội đồng thành viên Tổng công ty*);

Căn cứ Quyết định số 25/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày 30/3/2018 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về việc ban

hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 26/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày 29/4/2022 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 25/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày 30/3/2018 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày/...../20... của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về việc ban hành Quy chế Người đại diện của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước;

Căn cứ Biên bản chuyển giao quyền sở hữu vốn tại của về Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước ngày

Căn cứ ý kiến của tổ chức Đảng theo quy định;

Căn cứ Bản cam kết của ngày

Theo đề nghị của Ban Tổ chức cán bộ và Ban

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ủy quyền có thời hạn làm đại diện phần vốn của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước tại cho các ông/bà có tên sau đây:

1. Ông/Bà: - Người đại diện chịu trách nhiệm phụ trách chung:

- Số CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu:

Cấp ngày: Tại:

- Số cổ phần làm đại diện: cổ phần (...% vốn điều lệ)

2. Ông/Bà:

- Số CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu:

Cấp ngày: Tại:

- Số cổ phần làm đại diện: cổ phần (...% vốn điều lệ)

.....

Điều 2. Các ông/bà có trách nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo các quy định tại Quy chế Người đại diện phần vốn của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước tại các doanh nghiệp, ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày/...../ của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước và các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bị hủy bỏ. Các cá nhân có tên nêu tại Điều 1 và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- HĐTV;
- Ban Giám đốc;
- Sở KHĐT ... (tỉnh/TP nơi DN đặt trụ sở chính);
- HĐQT, BKS ... (tên doanh nghiệp);
- Tên đơn vị phụ trách doanh nghiệp, TCKT;
- Lưu: VT, TCCB, HSCN.

....

Phụ lục 2. Mẫu Quyết định thôi ủy quyền Người đại diện

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ
VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-ĐTKDV

Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thôi làm Người đại diện phần vốn của Tổng công ty
Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước tại ...**

TỔNG GIÁM ĐỐC

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 147/2017/NĐ-CP ngày 25/12/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 148/2017/NĐ-CP ngày 25/12/2017 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 83/2018/TT-BTC ngày 30/8/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (*trong trường hợp chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại các doanh nghiệp Tổng công ty đã tiếp nhận về các Bộ, UBND cấp tỉnh*);

Căn cứ Kết luận số ngày/...../20.... của Đảng ủy Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về công tác cán bộ (*đối với trường hợp Đảng ủy Tổng công ty phải có ý kiến theo Quy định số 01-QĐ/ĐU ngày 12/12/2022 của Đảng ủy Tổng công ty phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử*);

Căn cứ Nghị quyết số/NQ-ĐTKDV.HĐTV ngày/...../20.... của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về Người đại diện phần vốn của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước tại tên doanh nghiệp (*đối với trường hợp Hội đồng thành viên Tổng công ty phải có ý kiến theo Quyết định số 26/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày 29/4/2022 của Hội đồng thành viên Tổng công ty*);

Căn cứ Quyết định số 25/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày 30/3/2018 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 26/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày 29/4/2022 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 25/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày 30/3/2018 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày/..../20... của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về việc ban hành Quy chế Người đại diện của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước;

Căn cứ Quyết định số ngày của Tổng giám đốc Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về việc ủy quyền đại diện phần vốn của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước tại

Căn cứ Biên bản chuyển giao quyền sở hữu vốn tại của về Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước ngày

Căn cứ Báo cáo ngày của CTCP Chứng khoán... về kết quả bán phần vốn của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước tại (trong trường hợp bán vốn);

Căn cứ Công văn số ngày của CTCP..... về việc xác nhận chuyển nhượng sở cổ phần của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước tại CTCP cho nhà đầu tư (trong trường hợp bán vốn);

Căn cứ Đơn đề nghị thôi làm người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp (trong trường hợp người đại diện xin thôi làm người đại diện trước thời hạn);

Xét đề nghị của Ban Tổ chức cán bộ và Ban

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thôi làm Người đại diện phần vốn của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước tại đối với Ông/Bà

Điều 2. Các ông/bà có trách nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện liên quan đến việc thôi làm Người đại diện phần vốn của Tổng công ty theo quy định tại Quy chế Người đại diện phần vốn của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước tại các doanh nghiệp, ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày/...../..... của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước và quy định pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Cá nhân có tên nêu tại Điều 1 và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- HĐTV;
- Ban Giám đốc;
- Sở KHĐT ... (tỉnh/TP nơi DN đặt trụ sở chính);
- HĐQT, BKS ... (tên doanh nghiệp);
- Tên đơn vị phụ trách doanh nghiệp, TCKT;
- Lưu: VT, TCCB.

.....



Phụ lục 3. Mẫu Quyết định chấm dứt ủy quyền Người đại diện

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ
VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-ĐTKDV

Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chấm dứt ủy quyền đại diện phần vốn của Tổng công ty
Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước tại ...**

TỔNG GIÁM ĐỐC

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 147/2017/NĐ-CP ngày 25/12/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 148/2017/NĐ-CP ngày 25/12/2017 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước;

Căn cứ Kết luận số ngày/...../20.... của Đảng ủy Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về công tác cán bộ (*đối với trường hợp Đảng ủy Tổng công ty phải có ý kiến theo Quy định số 01-QĐ/ĐU ngày 12/12/2022 của Đảng ủy Tổng công ty phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử*);

Căn cứ Nghị quyết số/NQ-ĐTKDV.HĐTV ngày/...../20.... của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về Người đại diện phần vốn của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước tại tên doanh nghiệp (*đối với trường hợp Hội đồng thành viên Tổng công ty phải có ý kiến theo Quyết định số 26/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày 29/4/2022 của Hội đồng thành viên Tổng công ty*);

Căn cứ Quyết định số 25/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày 30/3/2018 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 26/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày 29/4/2022 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về việc sửa

đôi, bổ sung một số Điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 25/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày 30/3/2018 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày/...../... của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về việc ban hành Quy chế Người đại diện của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước;

Căn cứ Quyết định số ngày của Tổng giám đốc Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về việc ủy quyền đại diện phần vốn của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước tại

Căn cứ Biên bản chuyển giao quyền sở hữu vốn tại của về Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước ngày

Xét đề nghị của Ban Tổ chức cán bộ và Ban

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấm dứt ủy quyền đại diện phần vốn của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước tại đối với Ông/Bà

Điều 2. Các ông/bà có trách nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện liên quan đến việc chấm dứt ủy quyền đại diện phần vốn của Tổng công ty theo quy định tại Quy chế Người đại diện phần vốn của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước tại các doanh nghiệp, ban hành kèm theo Quyết định số...../QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày/...../..... của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước và quy định pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Cá nhân có tên nêu tại Điều 1 và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- HĐTV;
- Ban Giám đốc;
- Sở KHĐT ... (tỉnh/TP nơi DN đặt trụ sở chính);
- HĐQT, BKS ... (tên doanh nghiệp);
- Tên đơn vị phụ trách doanh nghiệp, TCKT;
- Lưu: VT, TCCB.

.....



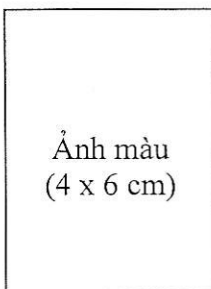
Phụ lục 4. Mẫu Sơ yếu lý lịch dành cho Người đại diện

Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý cán bộ:

Mã số cán bộ (nếu có):

Cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ:

SƠ YẾU LÝ LỊCH¹



1) Họ và tên khai sinh (viết chữ in hoa):

2) Tên gọi khác:

3) Sinh ngày: tháng năm, Giới tính (nam, nữ):.....

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: Ngày cấp:

Nơi cấp:

4) Nơi sinh: Xã....., Huyện....., Tỉnh

5) Quê quán: Xã....., Huyện....., Tỉnh.....

6) Dân tộc:, 7) Tôn giáo:

8) Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

(Số nhà, đường phố, thành phố; xóm, thôn, xã, huyện, tỉnh)

9) Nơi ở hiện nay:

(Số nhà, đường phố, thành phố; xóm, thôn, xã, huyện, tỉnh)

10) Nghề nghiệp khi được tuyển dụng:

11) Ngày tuyển dụng: / /, Cơ quan tuyển dụng:

12) Chức vụ (chức danh) hiện tại:

(Về chính quyền hoặc Đảng, đoàn thể, kể cả chức vụ kiêm nhiệm)

13) Công việc chính được giao

14) Ngạch công chức, viên chức (nếu có):....., Mã ngạch:

Bậc lương:, hệ số:, Ngày hưởng / /, Phụ cấp chức vụ:

Phụ cấp khác:

15.1- Trình độ giáo dục phổ thông (đã tốt nghiệp lớp mấy/thuộc hệ nào):

15.2- Trình độ chuyên môn cao nhất:

(TSKH, TS, ThS, cử nhân, cao đẳng, trung cấp, sơ cấp; chuyên ngành)

15.3- Lý luận chính trị:

(Cao cấp, trung cấp, sơ cấp và tương đương)

15.4- Quản lý nhà nước:

(Chuyên viên cao cấp, chuyên viên chính, chuyên viên, cán sự....)

15.5- Ngoại ngữ:

¹ Trường hợp Người đại diện là người nước ngoài thì mẫu sơ yếu lý lịch sẽ được điều chỉnh phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật nơi người đại diện có quốc tịch.

(Tên ngoại ngữ + Trình độ A, B, C, D...)

15.6- Tin học:

(Trình độ A, B, C,...)

16) Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam:/ /, Ngày chính thức:/ ... /

17) Ngày tham gia tổ chức chính trị - xã hội:

(Ngày tham gia tổ chức: Đoàn, Hội, ... và làm việc gì trong tổ chức đó).

18) Ngày nhập ngũ: / / Ngày xuất ngũ: / ... / ... Quân hàm cao nhất:

19) Danh hiệu được phong tặng cao nhất:

(Anh hùng lao động, anh hùng lực lượng vũ trang, nhà giáo, thầy thuốc, nghệ sĩ nhân dân và ưu tú ...)

20) Sở trường công tác:

21) Khen thưởng:

(Hình thức cao nhất, năm nào)

22) Kỷ luật:

(về đảng, chính quyền, đoàn thể hình thức cao nhất, năm nào)

23) Tình trạng sức khỏe: Cao: 1m, Cân nặng: (kg), Nhóm máu:

24) Là thương binh hạng:/....., Là con gia đình chính sách:.....

(Con thương binh, con liệt sĩ, người nhiễm chất độc da cam Dioxin)

25) Số sổ BHXH:

26) ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VỀ CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ, LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ, NGOẠI NGỮ

Tên trường	Chuyên ngành đào tạo, bồi dưỡng	Từ tháng, năm- Đến tháng, năm	Hình thức đào tạo	Văn bằng, chứng chỉ, trình độ gì

Ghi chú: Hình thức đào tạo: Chính qui, tại chức, chuyên tu, bồi dưỡng .../ Văn bằng: TSKH, TS, ThS, Cử nhân, Kỹ sư ...

27) TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (đảng, chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội), kể cả thời gian được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ...



28) ĐẶC ĐIỂM LỊCH SỬ BẢN THÂN

- Khai rõ: bị bắt, bị tù (từ ngày tháng năm nào đến ngày tháng năm nào, ở đâu), đã khai báo cho ai, những vấn đề gì ? Bản thân có làm việc trong chế độ cũ (cơ quan, đơn vị nào, địa điểm, chức danh, chức vụ, thời gian làm việc ...)

.....

.....

.....

- Tham gia hoặc có quan hệ với các tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội nào ở nước ngoài (làm gì, tổ chức nào, đặt trụ sở ở đâu ...?)

.....

.....

- Có thân nhân (Bố, Mẹ, Vợ, Chồng, con, anh chị em ruột) ở nước ngoài (làm gì, địa chỉ ...) ?

.....

.....

.....

29) QUAN HỆ GIA ĐÌNH

a) Về bản thân: Bố, Mẹ, Vợ (hoặc chồng), các con, anh chị em ruột

Mối quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị, công tác, học tập, nơi ở (trong, ngoài nước); thành viên các tổ chức chính trị-xã hội ...



b) Về bên vợ (hoặc chồng): Cha, Mẹ anh chị em ruột

Mối quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị, công tác, học tập, nơi ở (trong, ngoài nước); thành viên các tổ chức chính trị-xã hội ...

31) DIỄN BIẾN QUÁ TRÌNH LƯƠNG

Tháng/năm:									
Ngạch/bậc (nếu có)									
Hệ số lương: (Hoặc thu nhập bình quân tháng)									

32) NHẬN XÉT CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG CÁN BỘ (NẾU CÓ)

.....

.....

.....

.....

.....

Người khai
 Tôi xin cam đoan những lời khai trên
 đây là đúng sự thật
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày, tháng năm

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
(Ký tên, đóng dấu)



Phụ lục 5. Mẫu Bản cam kết làm Người đại diện

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT

Kính gửi: **Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước**

Tên tôi là :

Sinh ngày:

Quê quán:

Nơi ĐKHKTT:

Số CMTND/CCCD/Hộ chiếu: Cấp ngày: Nơi cấp:

Số cổ phần cá nhân đang nắm giữ tại Công ty.....

Vị trí công tác tại Công ty.....

Sau khi nghiên cứu Quy chế Người đại diện phần vốn của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (Tổng công ty) tại doanh nghiệp, tôi nhận thấy cá nhân tôi đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện làm Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại Công ty..... Nếu được Tổng công ty ủy quyền làm Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại Công ty....., tôi cam kết:

- Tuân thủ đầy đủ và toàn bộ các quy định tại Quy chế Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp và quy định của pháp luật liên quan;
- Hành xử một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của Tổng công ty;
- Chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật của bản thân trong thời gian đảm nhiệm các chức vụ tại Công ty.....

Trân trọng cảm ơn sự tín nhiệm của Tổng công ty./.

....., ngày..... tháng...năm.....

Người cam kết

Phụ lục 6. Mẫu Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh 6 tháng của doanh nghiệp (áp dụng cho các doanh nghiệp không có vốn chi phối của Tổng công ty)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(6 tháng)

1. Tên doanh nghiệp:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Giấy đăng ký kinh doanh số: Ngày cấp: Nơi cấp:
4. Ngành nghề kinh doanh chính:
5. Điện thoại: Fax:
6. Vốn điều lệ: triệu đồng
Trong đó: Vốn của Tổng công ty: triệu đồng
7. Thông tin về Người đại diện (số lượng, danh sách Người đại diện, Người đại diện phụ trách chung)/Thông tin cán bộ Tổng công ty không làm Người đại diện nhưng tham gia Hội đồng quản trị doanh nghiệp.

I. Tóm tắt hoạt động của Doanh nghiệp 6 tháng

- Tình hình và kết quả sản xuất kinh doanh: Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch: Sản lượng, doanh thu, lợi nhuận... những yếu tố thuận lợi và khó khăn.
- Tình hình và kết quả triển khai các dự án đầu tư (kế hoạch đầu tư, khối lượng thực hiện, tình hình và khả năng thanh toán vốn đầu tư...); tình hình đầu tư tài chính dài hạn.
- Việc quản lý các khoản phải thu, nợ phải trả, nguyên nhân và giải pháp xử lý các khoản nợ phải thu khó đòi, nợ phải trả quá hạn.
- Tình hình quản lý sử dụng và bảo toàn vốn góp của Tổng công ty.
- Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.
- Tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Hội đồng thành viên, tình hình thực hiện nhiệm vụ được Tổng công ty giao...
- Lưu ý về tình hình tài chính của doanh nghiệp (nếu có).
- Các công việc, nhiệm vụ đã được phân công tại doanh nghiệp trong kỳ (nếu có) và kết quả thực hiện.
- Các vấn đề tồn tại của doanh nghiệp, nguyên nhân khách quan, chủ quan;



Các biện pháp Tổng công ty đã chỉ đạo và Người đại diện đã triển khai tại doanh nghiệp, các biện pháp doanh nghiệp đã chủ động triển khai; Kết quả khắc phục (đánh giá từ khi tiếp nhận cho đến hiện tại).

- Đánh giá dự báo về tình hình của doanh nghiệp trong tương lai và đề xuất các biện pháp cụ thể khác để khắc phục tồn tại/tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động.
- Thống kê hiện trạng pháp lý, tình hình sử dụng các lô đất của doanh nghiệp tại thời điểm hiện tại.
- Các nội dung khác.....

II. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính liên quan đến Tổng công ty: cổ tức, công nợ,...

III. Các đánh giá và kiến nghị:

Các tài liệu kèm theo:

- Báo cáo tài chính 6 tháng/năm;
- Các tài liệu liên quan khác.

Người đại diện/Cán bộ Tổng công ty

(ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 7. Mẫu ý kiến về nội dung hợp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên

Ý KIẾN VỀ NỘI DUNG HỢP HOẶC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG/HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Kính gửi: Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước

Họ và tên Người đại diện phần vốn:

Chức vụ trong doanh nghiệp:

Là Người đại diện phụ trách chung/không phụ trách chung:

Với tư cách là người được Tổng công ty ủy quyền đại diện phần vốn của Tổng công ty tại Công ty, tôi (chúng tôi) sẽ tham dự cuộc họp/cho ý kiến bằng văn bản Hội đồng Quản trị/ Đại hội đồng cổ đông/ Hội đồng thành viên của Công ty ngày

Theo quy định tại Quy chế Người đại diện, tôi (chúng tôi) xin báo cáo và đề nghị Tổng công ty cho ý kiến để tôi (chúng tôi) thay mặt Tổng công ty tham gia ý kiến và biểu quyết đối với các vấn đề sau:

STT	Nội dung, vấn đề	Ý kiến của Người đại diện	Lý do

Trân trọng cảm ơn.

Ngày tháng năm

Người đại diện/Cán bộ Tổng công ty

(ký, ghi rõ họ tên)

Các tài liệu gửi kèm gồm:

- Chương trình nghị sự của cuộc họp;
- Các tài liệu liên quan đến nội dung hợp Đại hội đồng cổ đông/ Hội đồng quản trị/ Hội đồng thành viên. Trường hợp phát hành thêm vốn, đề nghị gửi phương án phát hành tăng vốn và các tài liệu về dự án Doanh nghiệp dự kiến đầu tư (nếu có);
- Các tài liệu liên quan khác;

✓

Phụ lục 8. Mẫu Thư cảm ơn

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ
VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng năm.....

THƯ CẢM ƠN

Kính gửi: Ông/Bà

Căn cứ yêu cầu quản lý vốn đầu tư (hoặc kết quả bán hết vốn trong trường hợp bán hết phần vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp) của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước tại , ngày/...../....., Tổng giám đốc Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (Tổng công ty) đã có Quyết định số/QĐ-ĐTKDV về việc thôi ủy quyền đại diện phần vốn của Tổng công ty tại đối với ông/bà (Quyết định kèm theo).

Tổng công ty chân thành cảm ơn ông/bà vì những đóng góp và phối hợp trong thời gian làm đại diện phần vốn của Tổng công ty tại

Kính chúc ông/bà và gia đình dồi dào sức khỏe, hạnh phúc.

Trân trọng./.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

.....



Phụ lục 9. Mẫu Công văn gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ
VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /ĐTKDV-TCCB
V/v: Thôi và ủy quyền đại diện phần vốn
của Tổng công ty tại... (tên doanh nghiệp)

Hà Nội, ngày tháng năm

Kính gửi: - Sở Kế hoạch và đầu tư ...
- Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát ... (tên doanh nghiệp)

Căn cứ yêu cầu quản lý phần vốn (hoặc kết quả bán hết vốn trong trường hợp bán hết phần vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp) của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước tại (tên doanh nghiệp), ngày/...../..... Tổng giám đốc Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (Tổng công ty) đã có Quyết định số/QĐ-ĐTKDV về việc thôi/chấm dứt ủy quyền đại diện phần vốn của Tổng công ty đối với Ông/Bà và Quyết định số/QĐ-ĐTKDV ủy quyền đại diện phần vốn của Tổng công ty tại đối với các Ông/Bà: (Quyết định đính kèm) (trong trường hợp bán hết phần vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp thì không có Quyết định ủy quyền).

Tổng công ty xin thông báo và rất mong tiếp tục nhận được sự hỗ trợ, phối hợp của các cơ quan trong công tác quản lý vốn đầu tư của Tổng công ty tại (tên doanh nghiệp hoặc tên tỉnh/thành phố nơi doanh nghiệp đặt trụ sở trong trường hợp bán hết phần vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp).

Trân trọng. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng giám đốc (để b/c);
- Tên ban quản lý doanh nghiệp;
- Lưu: VT, TCCB.

**KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

.....

Ả
C
Ả
N

Phụ lục 10. Mẫu báo cáo kết quả họp, biểu quyết

BÁO CÁO KẾT QUẢ HỌP, BIỂU QUYẾT

Kính gửi: Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước

Họ và tên Người đại diện phần vốn:

Chức vụ trong doanh nghiệp:

Họ và tên Người đại diện phụ trách chung (nếu có):

Chức vụ trong doanh nghiệp:

Tên doanh nghiệp:

Ngày tháng năm, Người đại diện đã xin ý kiến và Tổng công ty đã có ý kiến tại văn bản.....

Ngày tháng năm, cuộc họp (*đối với cuộc họp*)/bỏ phiếu bằng văn bản (*đối với lấy ý kiến bằng văn bản*) về việc..... đã diễn ra, tóm tắt kết quả cuộc họp và báo cáo cụ thể như sau:

T T	Nội dung vấn đề	Ý kiến chỉ đạo của Chủ sở hữu	Ý kiến của Người đại diện đã tham gia, biểu quyết, quyết định	Ý kiến cuối cùng tại cuộc họp/bỏ phiếu bằng văn bản	Ghi chú

Ngày tháng năm

Người đại diện/Cán bộ Tổng công ty

(ký, ghi rõ họ tên)

Tài liệu đính kèm:

- Biên bản/Nghị quyết cuộc họp; hoặc
- Biên bản lấy phiếu bằng văn bản;
- Các tài liệu liên quan (nếu có).

Phụ lục 11. Mẫu công văn lấy ý kiến cấp ủy doanh nghiệp về nhân sự dự kiến làm Người đại diện là cán bộ doanh nghiệp

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ
VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /ĐTKDV-Tên đơn vị soạn thảo
V/v: Nhân sự Người đại diện phần vốn
của SCIC tại doanh nghiệp

Hà Nội, ngày tháng năm.....

Kính gửi: Đảng ủy/Chi ủy..... (tên doanh nghiệp)

Căn cứ Công văn số 1992 - CV/BTCĐUK ngày 29/11/2013 của Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương về việc hướng dẫn công tác cán bộ; căn cứ nhu cầu quản lý phần vốn của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (Tổng công ty) tại..... (tên doanh nghiệp), Tổng công ty đề nghị Đảng ủy/Chi ủy..... (tên doanh nghiệp) có ý kiến về nhân sự dự kiến làm Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại..... (tên doanh nghiệp), cụ thể như sau:

- Ông/bà..... (tên nhân sự dự kiến ủy quyền làm Người đại diện) - (chức vụ tại doanh nghiệp của nhân sự dự kiến ủy quyền làm Người đại diện).
- Ông/bà..... (tên nhân sự dự kiến ủy quyền làm Người đại diện) - (chức vụ tại doanh nghiệp của nhân sự dự kiến ủy quyền làm Người đại diện).

Trên cơ sở tham khảo ý kiến của Đảng ủy/Chi ủy (tên doanh nghiệp), Tổng công ty sẽ ban hành Quyết định ủy quyền làm Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại (tên doanh nghiệp).

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng giám đốc (để b/c);
- Ông/bà tên Người đại diện - Người đại diện phần vốn của SCIC tại tên doanh nghiệp (nếu có – để p/h);
- Lưu: VT, tên đơn vị quản lý DN.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Phụ lục 12. Mẫu Công văn ý kiến của cấp ủy doanh nghiệp gửi Tổng công ty về nhân sự dự kiến làm Người đại diện

ĐẢNG BỘ/CHI BỘ.....

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số:.....

Hà Nội, ngày tháng năm.....

V/v: Giới thiệu nhân sự Người đại diện
phần vốn của SCIC tại doanh nghiệp

Kính gửi: Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước

Căn cứ Công văn số..... ngày/...../..... của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (Tổng công ty/SCIC) về việc nhân sự Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp;

Căn cứ Biên bản họp Đảng ủy/Chi ủy..... (tên doanh nghiệp) ngày/...../.....;

Căn cứ năng lực cán bộ,

Đảng ủy/Chi ủy (tên doanh nghiệp) thống nhất phương án nhân sự dự kiến làm Người đại diện phần vốn của SCIC tại..... (tên doanh nghiệp) gồm các đồng chí sau:

- Đồng chí..... (tên nhân sự dự kiến ủy quyền làm Người đại diện) - (chức vụ tại doanh nghiệp của nhân sự dự kiến ủy quyền làm Người đại diện).
- Đồng chí..... (tên nhân sự dự kiến ủy quyền làm Người đại diện) - (chức vụ tại doanh nghiệp của nhân sự dự kiến ủy quyền làm Người đại diện).

Trân trọng!

T/M.....

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

.....